

Số 296 - QĐ/HNDTW

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2017 của cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 94/TB-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính về thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017,

BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2017 của cơ quan Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Chi tiết theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Trung ương Hội, Phó Chánh Văn phòng phụ trách Tài chính - Hành chính - Quản trị và Trưởng các Ban, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực TW Hội;
- Bộ Tài chính;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, Phòng KHTC.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Thào Xuân Sùng

Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Chương: 113

Biểu số 4

Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày
28/9/2018 của Bộ Tài chính

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 296 - QĐ/HNDTW ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Ban Thường vụ

Trung ương Hội Nông dân Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc					
					Văn phòng Trung ương Hội	Đại diện Văn phòng phía Nam	Tạp chí Nông thôn mới	Trường Trung cấp Nông dân Việt Nam	Trường Cán bộ Hội	Bảo Nông thôn Ngày nay
A	Quyết toán thu	188.426	188.426	0	7.723	0	18.733	2.055	8.773	75.571
I	Tổng số thu	94.224	94.224	0	3.780	0	9.376	1.032	4.465	
1	Số thu phí, lệ phí		0	0						
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	90.444	90.444	0			9.376	1.032	4.465	75.571
3	Thu khác	3.780	3.780	0	3.780					
II	Chi từ nguồn thu được để lại	94.202	94.202	0	3.943	0	9.357	1.023	4.308	75.571
I	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	90.259	90.259	0	0	0	9.357	1.023	4.308	75.571
1.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5.331	5.331	0	0	0	0	1.023	4.308	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.331	5.331	0				1.023	4.308	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0	0						
1.2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	75.571	75.571	0	0	0	0	0	0	75.571
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	69.756	69.756	0						69.756
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.815	5.815	0						5.815
1.3	Chi quản lý hành chính	9.357	9.357	0	0	0	9.357	0	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.357	9.357	0			9.357			

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc					
					Văn phòng Trung ương Hội	Đại diện Văn phòng phía Nam	Tạp chí Nông thôn mới	Trường Trung cấp Nông dân Việt Nam	Trường Cán bộ Hội	Báo Nông thôn Ngày nay
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0	0						
2	<i>Hoạt động khác</i>	3.943	3.943	0	3.943					
III	Số thu nộp NSNN	35	35	0			4		31	
1	<i>Số phí, lệ phí nộp NSNN</i>		0	0						
2	<i>Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ</i>	811	0	-811						
3	<i>Hoạt động khác</i>		0	0						
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	142.006	142.004	-2	117.647	2.158	1.844	7.617	12.738	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	136.964	136.962	-2	112.605	2.158	1.844	7.617	12.738	0
1	<i>Chi Quản lý hành chính</i>	79.920	79.920	0	75.918	2.158	1.844			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	47.151	47.151	0	43.149	2.158	1.844			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	32.769	32.769	0	32.769					
2	Nghiên cứu khoa học	4.770	4.770	0	4.770					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.470	1.470	0	1.470					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia		0	0						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	1.470	1.470	0	1.470					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		0	0						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		0	0						

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc					
					Văn phòng Trung ương Hội	Đại diện Văn phòng phía Nam	Tạp chí Nông thôn mới	Trường Trung cấp Nông dân Việt Nam	Trường Cán bộ Hội	Bảo Nông thôn Ngày nay
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.300	3.300	0	3.300					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	27.807	27.805	-2	7.450	0	0	7.617	12.738	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.355	11.353	-2				6.402	4.951	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16.452	16.452	0	7.450			1.215	7.787	
4	Chi bảo đảm xã hội	150	150	0	150					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150	150	0	150					
5	Chi hoạt động kinh tế	14.817	14.817	0	14.817					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.817	14.817	0	14.817					
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	8.000	8.000	0	8.000					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.000	8.000	0	8.000					
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.500	1.500	0	1.500					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.500	1.500	0	1.500					

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc					
					Văn phòng Trung ương Hội	Đại diện Văn phòng phía Nam	Tạp chí Nông thôn mới	Trường Trung cấp Nông dân Việt Nam	Trường Cán bộ Hội	Báo Nông thôn Ngày nay
II	Nguồn vốn viện trợ	5.042	5.042	0	5.042	0	0	0	0	0
1	Chi Quản lý hành chính	5.042	5.042	0	5.042	0	0			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	0						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.042	5.042	0	5.042					